SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC LIÊN CHIỂU
Số: 762 /QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Khánh, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LIÊN CHIỂU

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Biên bản Họp hội đồng mua sắm ngày 13 tháng 11 năm 2026 về việc thống nhất dự toán gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027;

Căn cứ quyết định số 747/QĐ-TTYT ngày 18 tháng 11 năm 2026 về việc phê duyệt mua sắm gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027;

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức hành chính tại tờ trình số 92/TTr-TCHC ngày 19 tháng 11 năm 2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm gói thầu Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, các khoa phòng liên quan phối hợp triển khai thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Tổ chức hành chính, Tài chính kế toán, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và các đơn vị liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LIÊN CHIỂU

Nguyễn Thành Tân

lanptn2 - 23/11/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

Phụ lục I. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm và lắp đặt rèm cửa cho khu nhà mới 09 tầng tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu
(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-TTYTLC ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu)

Stt	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[9]	Loại hợp đồng[10]	Thời gian thực hiện gói thầu[11]	Tùy chọn mua thêm[12]
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu	Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027	Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027	447.137.150 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng)	Nguồn ngân sách sự nghiệp y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác tại đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, qua mạng, trong nước		90 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**447.137.150 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng)**								

lanptn2 - 23/11/2026 09:57:12 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

Phụ lục II. DANH MỤC CHI TIẾT
Gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường tại Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu năm 2026-2027
(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-TTYT ngày 20 tháng 1 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ấm đun nước điện	Ấm 5 lít. Tự động tắt khi sôi hoặc trào nước trong lúc đun. Chất liệu Inox.	Cái	2	712.800	1.425.600	
2	Bàn chải chùi cầu (Chữ nhật)	Chất liệu nhựa PP, có tay cầm, chữ nhật. Kích thước: 7,5cm x 7cm x 38cm.	Cái	27	17.100	461.700	
3	Bàn chải chùi cầu (Chữ nhật) đầu nhỏ	Chất liệu nhựa PP, có tay cầm, chữ nhật. KT: 7,5cm x 4cm x 38cm	Cái	2	13.000	26.000	
4	Bàn chải chùi cầu (tròn)	Chất liệu nhựa PP, có tay cầm. KT: 38cm x 9cm x 9cm.	Cái	53	14.600	773.800	
5	Bàn chải giặt đồ NB – Chùi rửa dụng cụ	Bàn chải nhựa làm bằng sợi nhân tạo mềm, dẻo. Thiết kế gọn, vừa tay cầm.	Cái	39	7.500	292.500	
6	Bao gối	Chất liệu vải cotton mềm mại, thấm hút mồ hôi tốt. KT 50 x70cm.	Cái	11	37.200	409.200	
7	Bao nilon đựng chất thải tái chế	Chất liệu: PE, màu trắng, có quai. Kích thước: 35cm x 60cm.	Kg	7	61.100	427.700	
8	Bao nilon đựng chất thải tái chế	Chất liệu: PE, màu trắng, có quai, kích thước: 40cm x 70cm.	Kg	6,5	61.100	397.150	
9	Bao nilon đựng chất thải tái chế	Chất liệu: PE, màu trắng. Không có quai, KT: 90cm x 120cm.	Kg	2	80.200	160.400	

lanptn2 - 23/1/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
10	Bao nilon đựng chất thải lây nhiễm	Chất liệu: PE, màu vàng, có quai. Kích thước: 20cm x 30cm.	Kg	40	51.400	2.056.000	
11	Bao nilon đựng chất thải lây nhiễm	Chất liệu: PE, màu vàng, có quai. Kích thước: 35cm x 60cm	Kg	326	54.700	17.832.200	
12	Bao nilon đựng chất thải lây nhiễm	Chất liệu: PE, màu vàng, có quai. Kích tước 40cm x 70cm.	Kg	402	54.700	21.989.400	
13	Bao nilon đựng chất thải nguy hại	Chất liệu: PE, màu đen, có quai. Kích thước 40cm x 70cm.	Kg	8,5	45.000	382.500	
14	Bao nilon đựng chất thải thông thường	Chất liệu: PE, màu xanh, có quai. Kích thước: 35cm x 60cm.	Kg	404	51.400	20.765.600	
15	Bao nilon đựng chất thải thông thường	Chất liệu: PE, màu xanh, có quai. Kích thước 40cm x 70cm.	Kg	1375	51.400	70.675.000	
16	Bao nilon đựng chất thải thông thường	Chất liệu: PE, màu xanh. Không có quai. Kích thước 90cm x 120cm.	Kg	513	69.800	35.807.400	
17	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE dẻo, trắng trong, túi hình chữ nhật có hàn đáy, miệng bằng, không gấphông. Kích thước 11cm x 18cm.	Kg	79	80.200	6.335.800	
18	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE dẻo, trắng trong, túi hình chữ nhật có hàn đáy, miệng bằng, không gấp hông. Kích thước 7,5cm x 13cm.	Kg	38	80.200	3.047.600	
19	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE trắng trong, có quai xách, có gai trắng. KT: 14cm x 25cm.	Kg	740	61.100	45.214.000	

lanptn2 - 23/01/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
20	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE trắng trong, có quai xách, có gai trăng. KT: 24 x 34cm.	Kg	120	61.100	7.332.000	
21	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE trắng trong, có quai xách, có gai trăng. KT: 45 x 30cm.	Kg	60	61.100	3.666.000	
22	Bao nilon đựng thuốc	Chất liệu PE trắng trong, có quai xách, có gai trăng. KT: 35 x 25cm.	Kg	170	61.100	10.387.000	
23	Búi lau nhà	Búi lau chất liệu Cotton.	Chùm	21	59.400	1.247.400	
24	Ca múc nước	Chất liệu: Nhựa PP, có quai cầm, ĐK: 20cm.	Cái	29	12.700	368.300	
25	Cây gạc nước	Cán cây bằng Inox dài 1,2m - 1,4m. Đầu gạt nước bằng cao su kích thước 45cm.	Cây	5	54.000	270.000	
26	Cây lau kính	Chất liệu: Tay cầm nhựa và lưỡi cao su. Kích thước: Cán 30cm, lưỡi 27cm.	Cây	9	38.700	348.300	
27	Cây lau nhà	Thân cây inox. KT bản lau: 60cm x15cm.	Cây	8	142.900	1.143.200	
28	Cây lau nhà có gắn búi lau	Gồm thân cây và bông lau. Thân cây inox, bông lau hút nước tốt.	Bộ	12	138.200	1.658.400	
29	Chất tẩy gốc Chlorine	Thành phần: Sodium Hydroxide >=10%, nước và các thành phần khác Liều lượng: Từ 1-6ml/1kg đồ khô	Lít	110	18.600	2.046.000	
30	Chất tẩy gốc Oxy	Thành phần: Hydrogen peroxide >=50%; Liều lượng: Từ 3-15ml/ 1kg đồ khô	Lít	256	35.700	9.139.200	
31	Chiếu cói	Chất liệu làm từ sợi cói tự nhiên. KT: 1,8m x 2m	Chiếc	2	417.300	834.600	

lanptn2 - 23/12/2020 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
32	Chiếu cói	Chất liệu làm từ sợi cói tự nhiên. KT: 1,6m x 2m.	Chiếc	3	168.400	505.200	
33	Chiếu cói	Chất liệu làm từ sợi cói tự nhiên. KT: 1m x 2m.	Chiếc	11	126.000	1.386.000	
34	Chổi đót	Chất liệu bông đót, cán nhựa PE. Chiều dài cán 80cm. Độ rộng lưỡi: 50 - 55cm.	Cây	50	35.400	1.770.000	
35	Chổi lông quét bụi	Chất liệu nylon, chiều dài 60cm.	Cây	8	34.900	279.200	
36	Chổi nhựa	Cán chổi bằng Inox 201 (giả inox), dài 1,2m. Đầu chổi bằng sợi cước nhựa, chiều dài sợi cước 11cm, màu sắc ngẫu nhiên.	Cây	29	30.600	887.400	
37	Chổi quét mạng nhện	Chất liệu nhựa, cán inox. KT nhiều đoạn, có thể kéo dài và thu gọn.	Cây	1	96.600	96.600	
38	Chổi xương	Chất liệu: Cán bằng tre, cọng chổi làm từ cây rành rành.	Cây	150	21.000	3.150.000	
39	Dầu sả	Tinh dầu sả dung tích 500ml/bình. Thành phần: Chứa tinh dầu sả thiên nhiên + Cồn cao độ, đặc biệt không chứa thành phần acid, an toàn với trẻ nhỏ.	Bình	25	34.200	855.000	
40	Dây su cỡ lớn	Dây chun cao su cỡ lớn 5cm.	Kg	36	144.400	5.198.400	
41	DD Javel (1 lít/bình)	Dung dịch tẩy quần áo được làm từ những thành phần an toàn Sodium hypoclorite và Sodium hydroxide, nước và các phụ gia khác, 1lít/ bình.	Bình	20	26.800	536.000	
42	DD lau sàn nhà	Nước lau sàn tinh dầu thảo mộc, 4,5 lít/can.	Can	16	126.300	2.020.800	

lanptn2 - lanptn2 - 2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
43	DD tẩy uế nhà vệ sinh	Nước tẩy rửa bồn cầu, nhà tắm, 500ml/ bình.	Bình	53	29.700	1.574.100	
44	Dép nhựa màu vàng	Chất liệu nhựa, màu vàng. Đế chống trơn trượt. Size từ 40 - 42.	Đôi	10	21.900	219.000	
45	Dép nhựa màu xanh	Chất liệu nhựa, màu xanh. Đế chống trơn trượt. Size từ 40 – 42.	Đôi	55	28.100	1.545.500	
46	Dép sục phòng mổ	Dép sục mũi kín dạng sỏ chân, có lỗ thoáng khí 2 bên hông, không quai. Chất liệu nhựa EVA, màu xanh copan đậm, độ cao đế 3-5cm. Size 38-39 và 43-44.	Đôi	25	118.800	2.970.000	
47	Drap bọc nệm gấp	Chất liệu vải cotton, bo chun. KT: 1,2m x 2m.	Tấm	2	168.400	336.800	
48	Drap bọc nệm gấp	Chất liệu vải cotton, bo chun. KT 1,6m x 2m.	Tấm	2	201.000	402.000	
49	Drap bọc nệm gấp	Chất liệu cotton, có chun, KT: 1,8m x 2m	Tấm	2	216.600	433.200	
50	Găng tay su	Chất liệu: Cao su latex. Size 8,5cmx 30cm.	Đôi	72	17.900	1.288.800	
51	Gáo vắt lau nhà	Chất liệu nhựa PP, (vào xô 14 lít – 20 lít).	Cái	15	35.700	535.500	
52	Giá treo chai dung dịch sát khuẩn tay nhanh (dung dịch xà phòng rửa tay)	Chất liệu khung inox, Dạng vòng rọ ôm sát thân chai, có tai bắt vít để gắn lên tường, vách kính hoặc cột, cố định trực tiếp các chai nhựa dung tích 500ml.	Cái	188	104.000	19.552.000	Nhà thầu thực hiện lắp đặt hoàn thiện tại vị trí chỉ định của chủ đầu tư

lanptn2_23/11/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
53	Giàn phơi quần áo	- Thiết kế gồm 2 thanh phơi cao thấp, phơi được ở cả 2 đầu giàn. - Khung inox, thanh phơi có zic zắc tăng cứng và chống xô dạt quần áo. Kích thước: Dài 1,2m, rộng chân 52cm, cao 1,3 và 1,5m.	Cái	2	475.200	950.400	
54	Giấy gói thuốc đông y	Chất liệu giấy màu xám, KT:40cm x 40cm	Kg	840	23.400	19.656.000	
55	Giấy vệ sinh	- Cuộn tròn, giấy trắng. Có đường vạch để xé. - Chất liệu: 100% bột giấy; 02 lớp; giấy mềm, dai (không bở, rã), thấm hút tốt; không có lõi, định lượng #18-20g/m²/lớp. Đóng gói: 10 cuộn/gói.	Cuộn	1139	3.300	3.758.700	
56	Giấy vệ sinh (lau miệng người bệnh nội soi)	Giấy vuông, làm từ bột giấy dai, trắng, bề mặt được in nổi, tăng diện tích tiếp xúc khi lau miệng, thấm hút vượt trội và thuận lợi khi sử dụng. Gói 100 tờ.	Gói	40	13.400	536.000	
57	Giỏ nhựa tròn	Chất liệu nhựa PP, màu ngẫu nhiên. Kích thước: 28cm x 26cm x 24,5cm.	Cái	21	23.800	499.800	
58	Giường xếp	Kích thước: rộng 90cm x dài 190cm x cao 35cm. Khung giường được làm bằng inox 100%, mặt giường làm bằng lưới Textilene thoáng mát.	Cái	1	1.283.100	1.283.100	
59	Gối đầu người bệnh siêu âm	Vỏ gối chất liệu simili, Ruột gối: Bông không hút nước. KT: 40cm x 30cm x10cm.	Cái	8	64.200	513.600	

lanptn2 - 29/12/2025 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
60	Gối hơi	Ruột gối là 100% polyester giữ độ phồng lâu. KT: 50cm x70cm.	Cái	13	72.200	938.600	
61	Gối kê siêu âm đầu dò	Vỏ gối chất liệu simili, Ruột gối: Bông không hút nước. KT: 40cm x 20cm x12cm.	Cái	2	38.700	77.400	
62	Hộp cấp phát thuốc	Chất liệu: Nhựa PP, không màu, trong suốt, bề mặt nhựa trơn nhẵn, có nắp đậy. KT: 17cm x 12cm x 6cm (dung tích 800ml).	Cái	180	13.400	2.412.000	
63	Hộp đựng bệnh phẩm XN	Chất liệu: nhựa PP, không màu, có nắp đậy có khoá gài 2 bên, có quai xách trên nắp đậy. KT: 30cm x 20cm x 15cm.	Cái	2	74.300	148.600	
64	Hộp đựng khăn lau tay	Chất liệu Inox. Kích thước: dài 29 cm, rộng 15 cm, cao 29 cm. Có nắp đóng/ mở đặt khăn vào, có khe dưới đáy hộp để lấy khăn ra. Thiết kế gắn vào tường (Nhà cung ứng trực tiếp gắn vào tường).	Cái	28	668.300	18.712.400	Nhà thầu thực hiện lắp đặt hoàn thiện tại vị trí chỉ định của chủ đầu tư.
65	Hộp nhựa chữ nhật	Nhựa PP, không màu, trong suốt, có nắp đậy có khoá gài 2 bên, có quai xách. Kích thước 63cm x 45,5 x 37 cm.	Cái	2	74.300	148.600	
66	Kệ inox để dép 3 tầng	Chất liệu inox 203 hoặc 304. KT: 60cm x 25cm x 55cm.	Cái	2	260.000	520.000	
67	Khăn lau tay	Chất liệu sợi cotton. Khăn lau màu vàng, KT: 25cm x 25cm.	Cái	1719	5.000	8.595.000	
68	Khăn lau tay *(gói đồ phẫu thuật)*	Chất liệu sợi cotton. Hút nước tốt. Khăn lau màu trắng, KT: 40cm x 22cm.	Cái	100	12.100	1.210.000	

lanptn2 - 28/11/2024 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
69	Khăn lau tay NB siêu âm	Chất liệu sợi cotton. Khăn lau màu xanh, kích thước 25cm x 25cm.	Cái	600	8.100	4.860.000	
70	Khay để ly uống nước	Chất liệu nhựa PP. Kích thước 30cm x 22cm.	Cái	2	21.600	43.200	
71	Ly uống nước	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh cao cấp. KT: 8,4cm x 8,2cm x 9,2cm.	Cái	19	7.200	136.800	
72	Ly uống nước	Ly dùng 1 lần, KT: 8,4 x 8,2 x 9,2cm.	Cái	1500	550	825.000	
73	Màn tuyn	Chất liệu vải tuyn, mềm và dai, mắt lưới nhỏ. Màu xanh da trời. KT: 1,2m x 2m.	Cái	2	67.500	135.000	
74	Màn tuyn	Chất liệu vải tuyn, mềm và dai, mắt lưới nhỏ. Màu xanh da trời. KT: 1,6m x 2m.	Cái	1	128.400	128.400	
75	Nệm gấp 1,2m	Chất liệu PE, nệm gấp 3, KT: 1,2m x 2m x 5cm.	Tấm	2	529.300	1.058.600	
76	Nệm gấp 1,6m	Chất liệu PE, nệm gấp 3, KT: 1,6m x 2m x 5cm.	Tấm	3	561.400	1.684.200	
77	Nước giặt chính	Thành phần: Alcohol Ethoxylate 5-20%. Linear alkyl benzene sufonates >=15%, nước và các thành phần khác. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Liều lượng sử dụng 01- 6 ml/1kg đồ khô.	Lít	110	47.600	5.236.000	
78	Nước lau kính	Thành phần chính: Soduim lauryl Ether sulfate, cồn thơm, hương liệu water (nước), hoàn toàn không hại da tay khi sử dụng, 580ml/bình.	Bình	25	25.400	635.000	

lanptn2 - 12/01/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
79	Nước rửa ly	Trọng lượng : ≥700g; Tẩy sạch các vết bẩn, dầu mỡ, khử sạch mùi tanh. Kháng khuẩn, diệt khuẩn.	Bình	9	33.000	297.000	
80	Nước trung hòa	Thành phần: Axit Phosphoric >= 30%, Axit oxalic >=5%, nước và các thành phần khác, Liều lượng: Từ 1-4ml/1kg đồ khô.	Lít	73	47.600	3.474.800	
81	Phích nước	Chất liệu vỏ nhựa, ruột phích thủy tinh, nhiệt độ sau 6h: ≥ 80°C. Dung tích 2 lít.	Cái	1	178.200	178.200	
82	Sọt nhựa vuông cỡ đại	Chất liệu nhựa PP. Màu xanh, đỏ. Kích thước 41cm x 41cm x 44,5cm.	Cái	22	84.700	1.863.400	
83	Tấm lau sàn nhà san hô	Màu đỏ. Kích thước 60cm x15cm.	Cái	2	62.400	124.800	
84	Tấm lau sàn nhà san hô	Màu trắng. Kích thước: 60 x 15cm.	Cái	15	62.400	936.000	
85	Tấm lau sàn nhà san hô	Màu vàng. Kích thước 60 x15cm.	Cái	8	62.400	499.200	
86	Tấm lau sàn nhà san hô	Màu xanh. Kích thước 60 x15cm.	Cái	13	46.700	607.100	
87	Thảm chùi chân	Chất liệu vải đan dây dày dặn siêu thấm hút, độ ma sát cao. KT: 60cm x 40cm.	Cái	177	13.700	2.424.900	
88	Thau nhựa	Chất liệu nhựa PP, màu ngẫu nhiên, kích thước ĐK 30cm.	Cái	3	16.500	49.500	
89	Thau nhựa	Chất liệu nhựa PP, màu ngẫu nhiên, ĐK 40cm.	Cái	7	36.400	254.800	
90	Thau nhựa	Chất liệu nhựa PP, màu ngẫu nhiên, ĐK 60 cm.	Cái	8	113.800	910.400	

lanptn2 - 03/11/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
91	Thùng đựng vật sắc nhọn	- Chất liệu: Nhựa HDPE, màu vàng. Dung tích: 6,8 lít, có vạch giới hạn mức độ đầy. Có nắp đậy. - KT: 32cm x 13,5cm x 30,5cm.	Cái	2	89.100	178.200	
92	Thùng nhựa có nắp	Chất liệu nhựa PP. Thùng nhựa tròn, có nắp đậy, màu ngẫu nhiên, dung tích 50 lít.	Cái	7	265.400	1.857.800	
93	Thùng nhựa có nắp	Chất liệu nhựa PP. Thùng nhựa tròn, có nắp đậy, màu ngẫu nhiên, dung tích 120 lít.	Cái	6	397.300	2.383.800	
94	Thùng nhựa có nắp	Chất liệu nhựa PP. Thùng nhựa tròn, có nắp đậy, màu ngẫu nhiên, dung tích 100 lít	Cái	3	397.300	1.191.900	
95	Thùng rác y tế	Chất liệu nhựa HDPE, đạp chân, màu đen, dung tích 20 lít.	Cái	1	264.700	264.700	
96	Túi zipp đựng thuốc	Chất liệu PE trong, dẻo, dày, có khóa zip chắc chắn; KT: 9cm x 14 cm.	Kg	2	96.300	192.600	
97	Túi zipper	Chất liệu nhựa nguyên sinh PE (Polyethylene) hoặc LDPE, Thiết kế khóa vuốt mép (miết miệng) hoặc khóa kéo nhựa (zipper) chắc chắn, kín khí, chống thấm nước. KT: R: 8-10cm, D:12-15 cm	Kg	3	96.300	288.900	
98	Ủng	Chất liệu nhựa PVC tổng hợp, Size: 9 – 11,5.	Đôi	15	98.000	1.470.000	
99	Xà phòng giặt	Xà phòng giặt dạng bột. 800gr/gói.	Gói	727	31.500	22.900.500	
100	Xà phòng giặt *(VS-KSNK)*	Xà phòng giặt dạng bột. 4,3kg/gói.	Gói	40	245.800	9.832.000	

lanptn2 - 23/12/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
101	Xà phòng rửa tay (dung dịch)	Nước rửa tay sạch khuẩn, dung tích 4,5lít/can.	Can	50	125.200	6.260.000	
102	Xô nhựa có nắp	Chất liệu nhựa PP. Xô nhựa tròn, có nắp đậy, màu ngẫu nhiên, dung tích 15 lít, có quai xách.	Cái	8	61.200	489.600	
103	Xô nhựa có nắp	Chất liệu nhựa PP. Xô nhựa tròn, có nắp đậy, màu ngẫu nhiên, dung tích 20 lít, có quai xách.	Cái	7	68.400	478.800	
104	Xúc rác nhựa	Chất liệu nhựa PP, cán dài, kích thước: 63,5cm x 30cm x 30cm.	Cái	17	33.200	564.400	
TỔNG CỘNG:						**447.137.150**	
Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng							

lanptn2 - 23/11/2026 09:30:32 - lanptn2 - lanptn2 - lanptn2